TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2017/HNGĐ – ST
Ngày: 06/7/2017.
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Truyền.
2. Ông Nguyễn Văn Việt.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Nhớ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 06 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2017/TLST – HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2017 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2017/QĐXXST – HNGĐ, ngày 17 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tô Thị Thanh P, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Số Y, BK, Phường Z, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Lý Cao T, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 13 tháng 3 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Tô Thị Thanh P trình bày: Chị và anh Lý Cao T kết hôn trên cơ sở quen biết, cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Z, thành phố B, tỉnh Bến Tre vào ngày 19 tháng 8 năm 2008. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống hạnh phúc khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh T sử dụng ma túy, không lo làm ăn, chị đã khuyên nhiều lần nhưng anh T không sửa đổi. Đến tháng 9 năm 2016 thì anh chị sống ly thân cho đến nay. Thời gian ly thân gia đình hai bên có hàn gắn cho anh chị đoàn tụ nhưng không đạt kết quả. Nay chị xin ly hôn với anh T. Trong quá trình chung sống anh chị có một con chung tên Lý Thanh T, sinh ngày 06 tháng 3 năm 2009 hiện đang sống chung với gia đình chị, khi ly hôn chị xin nuôi con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có.

Anh Lý Cao T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không vó lời trình bày hay ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Tô Thị Thanh P và anh Lý Cao T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Z, thành phố B, tỉnh Bến Tre vào ngày 19 tháng 8 năm 2008. Trong thời gian chung sống chị P cho rằng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể duy trì quan hệ hôn nhân nên ngày 13 tháng 3 năm 2017 chị P làm đơn xin ly hôn với anh T đồng thời yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung khi ly hôn. Căn cứ vào yêu cầu của chị P, nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết đối với vụ án này là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân, căn cứ xác nhận ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Công an xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre thì bị đơn anh Lý Cao T có nơi cư trú tại xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Đối với anh Lý Cao T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị Tô Thị Thanh P và anh Lý Cao T kết hôn tuân thủ đúng quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình hôn nhân chị P cho rằng nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh T sử dụng ma túy, không lo làm ăn, chị khuyên nhiều lần nhưng không sửa đổi, anh chị đã ly thân từ tháng 9 năm 2016 đến nay. Xét thấy chị P, anh T trước khi kết hôn đã có thời gian quen biết tìm hiểu nhau, đã phần nào thấu hiểu về tâm lý, tính cách, tình cảm của nhau nên có điều kiện thuận lợi để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên anh chị không biết trân trọng tình cảm vợ chồng, trong quá trình sống chung anh chị phát sinh mâu thuẫn nhưng không đồng lòng tìm ra giải pháp khắc phục mà ngược lại để cho quan hệ vợ chồng ngày càng rạng nứt, dẫn đến sống ly thân. Thời gian ly thân anh chị cũng không có thiện chí tìm ra giải pháp để hàn gắn tình cảm. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho anh T đến Tòa án để tham gia hòa giải cùng chị P, tạo điều kiện cho anh chị gặp gỡ, giải quyết những mâu thuẫn tình cảm để đoàn tụ nhưng anh T vắng mặt, điều đó chứng tỏ anh cũng không quan tâm đến quan hệ hôn nhân, có ý thức bỏ mặc và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó có căn cứ để xác định mâu thuẫn tình cảm của vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị P được ly hôn với anh T là phù hợp.

Về nuôi con chung: Trong quá trình hôn nhân chị P và anh T có một con chung tên Lý Thanh T, sinh ngày 06 tháng 3 năm 2009 hiện đang sống chung với gia đình chị P, khi ly hôn chị P xin nuôi con không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, trong quá trình giải quyết vụ án anh T không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với con chung, tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên ngày 05 tháng 5 năm 2017 thì cháu T có nguyện vọng sống chung với chị P. Để đảm bảo ổn định cho cuộc sống, học tập của cháu T cần để cho chị P tiếp tục nuôi con là phù hợp. Do chị P không có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị P trình bày không có, anh T cũng không có ý kiến hay yêu cầu giải quyết gì đối với các vấn đề này nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xác định anh chị có tài sản chung và nợ chung hay không nên không xem xét giải quyết, nếu sau này những người có quyền, lợi ích liên quan có tranh chấp có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Về nghĩa vụ nộp án phí:

Chị Tô Thị Thanh P phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tô Thị Thanh P.

Chị Tô Thị Thanh P được ly hôn với anh Lý Cao T.

[2] Về nuôi con chung:

Chị Tô Thị Thanh P trực tiếp nuôi cháu Lý Thanh T, sinh ngày 06 tháng 3 năm 2009, anh Lý Cao T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị P không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền

được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung:

Không xem xét giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ nộp án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm buộc chị Tô Thị Thanh P phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số xxxxxxx ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc nên không còn phải nộp thêm.

[5] Về quyền kháng cáo và việc thi hành bản án khi có hiệu lực pháp luật:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- UBND Phường Z, thành phố B, tỉnh Bến Tre (ĐKKH số 38,quyển số 01/2008, ngày 19/8/2008) (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: HS, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Thiện